

Bản án số: 72/2024/HS-PT
Ngày 31-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Kiên

Ông Nguyễn Hồng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 36/2024/TLPT-HS ngày 14 tháng 03 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXPT-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 01/8/1985 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Số C đường N, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số A đường C, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Bùi Thị M; không có chồng; có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Thị N, sinh ngày 20/6/1986 tại Thái Bình; nơi ĐKKHKT: Số H đường Đ dân lập, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: số A đường H, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V; chồng là Đặng Kim Đ; có

02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. Phạm Thanh T2, sinh ngày 03/9/1987 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số F phố L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 và bà Nguyễn Thị T3; chồng là Trần Mạnh H2; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Chu Thị T4, sinh ngày 11/12/1980 tại Ninh Bình; nơi ĐKHKTT: số C đường C, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số F đường Đ, phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Thế V1 và bà Đào Thị C; chồng là Vũ Quang H3 (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Quyết định số 20 ngày 10/6/2016, Công an phường D, quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; Quyết định số 22 ngày 21/6/2017, Công an phường D, quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 chuyển tạm giam; ngày 06/4/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

5. Nguyễn Tuyết N1, sinh ngày 09/12/1975 tại Hà Nội; nơi ĐKHKTT: Số A đường T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Số G đường C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đông C1 (đã chết) và bà Hoàng Thị N2; chồng là Nguyễn Văn T5; có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 chuyển tạm giam; ngày 19/4/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

6. Đoàn Thị T6, ngày 03/9/1970 tại Hải Dương; nơi cư trú: Số A đường H, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Quang P và bà Phạm Thị L; chồng là Lương Cao H4; có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023 chuyển tạm giam; ngày 06/4/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

7. Nguyễn Thị Thanh N3, ngày 29/8/1980 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số F đường N, phường N, quận L, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn

hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đông C1 và bà Hoàng Thị N2; chồng là Lã Ngọc H5; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 12/4/2023 đến ngày 14/4/2023 áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 07/01/2023 tại khu vực trước toà nhà SHP - số A đường L, quận N, Hải Phòng, Công an quận N bắt quả tang Đỗ Thị N4 đang sử dụng điện thoại để kiểm tra tin nhắn chuyển bảng số lô, đề đến nhóm zalo “d ng”. Thu giữ của Đỗ Thị N4 số tiền 3.040.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị N4 khai nhận: Hàng ngày, N4 ngồi ghi số lô, đề cho khách qua đường tại khu vực trước cửa nhà số A đường H, quận H, thành phố Hải Phòng rồi dùng tài khoản zalo “Lala” chuyển tất cả bảng số đề vào nhóm zalo “d ng” do Nguyễn Thị N lập để hưởng chênh lệch % hoa hồng, cụ thể: 7,5% tổng số đề; 4,5% tổng số bao; 23% tổng số bao xiên; 40% tổng số tiền ba càng. Ngày 06/01/2023, Đỗ Thị N4 chuyển bảng đề vào nhóm “d ng” với tổng số tiền là 12.895.000 đồng, tổng số tiền trúng thưởng trong bảng đề 6.450.000 đồng, Đỗ Thị N4 hưởng 1.376.000 đồng tiền hoa hồng. Ngày 07/01/2023, Đỗ Thị N4 chuyển bảng đề vào nhóm “d ng” với tổng số tiền là 3.040.000 đồng, bảng đề không có số trúng thưởng, Đỗ Thị N4 hưởng 479.000 đồng tiền hoa hồng.

Ngày 07/01/2023, Cơ quan điều tra đã tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị N, thu giữ của N 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9 màu nâu và 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu vàng. Do Nguyễn Thị Ngọc T đang ở nhà Nguyễn Thị N để cùng tính tiền bảng đề nên Cơ quan điều tra thực hiện lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Thị Ngọc T, thu giữ của T 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad mini gen 5 màu vàng. Căn cứ lời khai ban đầu và dữ liệu kiểm tra điện thoại của Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ngọc T, Cơ quan điều tra tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thanh T2, Chu Thị T4, Đoàn Thị T6, Nguyễn Tuyết N1, thu giữ của T6 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad air 2 màu vàng, thu giữ của T4 01 điện thoại Iphone Xsmax màu vàng; thu giữ của N1 01 điện thoại Iphone X màu đen.

Ngày 12/4/2023, 11/7/2023, Nguyễn Thị Thanh N3, Nguyễn Thị Lan A lần lượt đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo thống nhất khai nhận: Khoảng tháng 12/2022, các bị cáo làm quen, kết bạn zalo rồi thực hiện việc nhận và chuyển bảng đề để tự

trả thưởng và hưởng chênh lệch % hoa hồng. Các bị cáo thống nhất cách thức đánh bạc dưới hình thức lô đề như sau: Căn cứ vào kết quả xổ số Miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 15 phút đến 18 giờ 30 phút hàng ngày để trả thưởng cho khách. Nếu khách trúng đề (số khách đánh trùng với 02 số cuối giải đặc biệt) thì thắng số tiền gấp 90 lần (đối với đề 90), gấp 80 lần (đối với đề 80), gấp 70 lần (đối với đề 70) số tiền đánh ban đầu; nếu khách trúng ba càng (số khách đánh trùng với 3 số cuối giải đặc biệt) thì thắng số tiền gấp 400 lần số tiền đánh ban đầu; nếu khách trúng bao (số khách đánh trùng với 02 số cuối của các giải mở thưởng) thì thắng số tiền gấp 3,5 lần số tiền đánh ban đầu; nếu khách trúng bao xiên 2 thì thắng số tiền gấp 14 lần số tiền đánh ban đầu; nếu khách trúng bao xiên 3 thì thắng số tiền gấp 48 lần số tiền đánh ban đầu; nếu khách trúng xiên 4 thì thắng số tiền gấp 180 lần số tiền đánh ban đầu. Người trúng thưởng đến lĩnh thưởng trực tiếp từ người bán đề, người bán đề ứng tiền của mình ra trả cho khách trước rồi thanh toán trực tiếp tiền bù, thu (sau khi đã trừ % hoa hồng) với chủ đề vào ngày hôm sau. Làm xong ngày nào các bị cáo xóa hết thông tin trong điện thoại, hủy các tài liệu liên quan ngày hôm đó để tránh bị phát hiện.

Nguyễn Thị N lập nhóm 02 nhóm zalo để thực hiện nhận, chuyển bảng đề được thua bằng tiền, cụ thể như sau:

- Nhóm zalo “d ng” gồm tài khoản zalo “Bon bon” của Nguyễn Thị N, tài khoản zalo “Lala” của Đỗ Thị N4, tài khoản zalo “Lộc” của L1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để nhận và chuyển bảng đề từ Đỗ Thị N4 cho L1. Lộc trả % hoa hồng cho Nguyễn Thị N như sau: 8% tổng số đề; 5% tổng số bao; 25% tổng số bao xiên; 42% tổng số tiền ba càng. Ngày 06/01/2023, Nguyễn Thị N hưởng 105.000 đồng tiền hoa hồng (L1 đã trực tiếp thanh toán). Ngày 07/01/2023, Nguyễn Thị N hưởng 36.000 đồng tiền hoa hồng.

- Nhóm zalo “de 9+lô” gồm tài khoản zalo “Bình an” của Nguyễn Thị N, tài khoản zalo “Cát vàng” của Nguyễn Thị Ngọc T, tài khoản zalo “Tuoi” của Đoàn Thị T6, tài khoản zalo “Bình Minh” của Chu Thị T4 nhận bảng ghi số đề 90 từ tài khoản zalo “Táo Đỏ” (chưa xác định người sử dụng) để tự trả thưởng và tiền % hoa hồng với tỷ lệ: T4, T mỗi người nhận 1/3 tổng số tiền bảng đề; Nguyễn Thị N, T6 mỗi người nhận 1/6 tổng số tiền bảng đề. Do T4, T, T6 không biết người sử dụng tài khoản zalo “Táo Đỏ” nên T4, T, T6 trả 9,5% tiền hoa hồng tương ứng với số tiền bảng đề đã nhận cho Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị N trực tiếp trả 9% tiền hoa hồng đối với tổng số tiền bảng đề cho tài khoản zalo “Táo Đỏ”. Ngày 07/01/2023, tài khoản zalo “Táo Đỏ” chuyển bảng đề với tổng số tiền là 54.600.000 đồng, không có số nào trúng thưởng. Sau khi trừ đi % hoa hồng phải trả, T, T4 hưởng lợi 16.471.000 đồng, Nguyễn Thị N hưởng lợi 8.508.500 đồng, T6 hưởng lợi 8.235.500 đồng.

Ngoài ra, Nguyễn Thị N sử dụng tài khoản zalo “Bình an” nhận riêng các số đề 80 của tài khoản zalo “Táo Đỏ”, Chu Thị T4 sử dụng tài khoản zalo “Bình Minh”

nhận riêng các số đề 80 của tài khoản zalo “P1” (chưa xác định người sử dụng), Đoàn Thị T6 sử dụng tài khoản zalo “Tuoi” chuyển các số đề 80 (tự đánh) vào nhóm zalo “Đề Gửi G” cho Nguyễn Thị Thanh N3 sử dụng tài khoản zalo “Vươn L2” làm trung gian nhận và chuyển cho tài khoản zalo “quyết tâm chiến thắng” (chưa xác định người sử dụng). Nhận được tài khoản zalo “quyết tâm chiến thắng” trả 19% tiền hoa hồng. Nhận trả 18,5% tiền hoa hồng cho T4, T6. Do Nguyễn Thị N và N3 không biết nhau nên T4 thanh toán với N3 giúp Nguyễn Thị N, T4 không được hưởng lợi từ việc Nguyễn Thị N chuyển số đề vào nhóm. Nguyễn Thị N, T4 trả 18% tiền hoa hồng cho tài khoản zalo “Táo Đỏ”, “P1”. Ngày 07/01/2023, Nguyễn Thị N, T4, T6 chuyển bảng đề vào nhóm zalo “Đề Gửi G” với số tiền lần lượt là 14.590.000 đồng; 8.350.000 đồng; 2.990.000 đồng. Tất cả số đề không trúng thưởng. N3 nhận và chuyển bảng đề với tổng số tiền là 25.930.000 đồng, hưởng. Nguyễn Thị N hưởng 73.000 đồng tiền hoa hồng, T4 hưởng 42.000 đồng tiền hoa hồng. Tài khoản zalo “Cát Vàng” của Nguyễn Thị Ngọc T cũng tham gia nhóm zalo “Đề Gửi G” nhưng ngày 07/01/2023 không gửi bảng đề.

Nguyễn Thị Ngọc T sử dụng tài khoản zalo “Cát Vàng” nhận riêng các số đề 70 của tài khoản zalo “Huyền” (chưa xác định người sử dụng) rồi chuyển toàn bộ vào nhóm zalo “Đ7/25” cho tài khoản zalo “Mèo ú” của Nguyễn Tuyết N1 làm trung gian nhận và chuyển cho tài khoản zalo “Mai Ka”, “tiền tình” (chưa xác định người sử dụng). N1 được zalo “Mai Ka”, “tiền tình” trả 26% tiền hoa hồng. Nhưng trả 25% tiền hoa hồng cho T. Toan trả 20% tiền hoa hồng cho tài khoản zalo “Huyền”. Ngày 07/01/2023, T chuyển bảng số đề vào nhóm zalo “Đ7/25” với tổng số tiền là 56.675.000 đồng, số tiền trúng thưởng phải trả khách là 10.500.000 đồng. Nhưng hưởng 567.000 đồng tiền hoa hồng, T hưởng 2.833.700 đồng tiền hoa hồng.

Đồng thời, T sử dụng tài khoản zalo “Cát Vàng” nhận riêng các số ba càng của tài khoản zalo “Quang Thành” (chưa xác định người sử dụng) rồi chuyển sang tài khoản zalo “Rực Rỡ” của Nguyễn Thị Lan A. Sau đó Lan A chuyển bảng ghi số ba càng sang tài khoản zalo “Lung L3” (chưa xác định được người sử dụng). Lan A được tài khoản zalo “Lung L3” trả 43% tiền hoa hồng. Lan A trả 41% tiền hoa hồng cho T. Toan trả 38% tiền hoa hồng cho tài khoản zalo “Quang Thành”. Ngày 06/01/2023, T chuyển bảng ghi số ba càng với tổng số tiền là 8.600.000 đồng, không có số trúng thưởng, T hưởng 258.000 đồng tiền hoa hồng, Lan A hưởng 172.000 đồng tiền hoa hồng. Ngày 07/01/2023, T chuyển bảng ghi số ba càng với tổng số tiền là 4.800.000 đồng, không có số trúng thưởng, T hưởng 144.000 đồng tiền hoa hồng, Lan A hưởng 96.000 đồng tiền hoa hồng.

Toan thêm tài khoản zalo “Bách Hợp” của Phạm Thanh T2 vào các nhóm zalo “de9 + lót”, “Đề Gửi G”, “Đ7/25” để T2 cộng tiền bảng đề và tính tiền hoa hồng cho T. Toan trả công cho T2 5.000.000 đồng/tháng. Ngày 06/01/2023, T trả công cho T2 số tiền 258.000 đồng.

Các bị cáo đã gặp trực tiếp thanh toán tiền bằng đề, tiền hoa hồng ngày 06/01/2023 cho nhau. Ngày 07/01/2023, các bị cáo chưa thanh toán chuyển tiền cho nhau, chưa được hưởng lợi thì bị Cơ quan điều tra phát hiện hành vi phạm tội.

Nguyễn Thị N giao nộp 105.000 đồng, Nguyễn Thị Thanh N3 giao nộp 130.000 đồng, Phạm Thanh T2 giao nộp 258.000 đồng, Nguyễn Tuyết N1 giao nộp 567.000 đồng, Đỗ Thị N4 giao nộp số tiền 1.376.000 đồng tiền thu lời do phạm tội mà có. Mỗi bị cáo Đoàn Thị T6, Chu Thị T4, Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện giao nộp một phần tiền hưởng lợi là 500.000 đồng.

Tài liệu sao chụp nội dung tin nhắn trong nhóm “d ng” từ điện thoại Vivo của Đỗ Thị N4, tài liệu sao chụp nội dung tin nhắn trong nhóm “d ng” và nhóm “de 9+lôt” từ điện thoại Samsung của Nguyễn Thị N, tài liệu sao chụp nội dung tin nhắn trong nhóm “de 9+lôt”, “Đ7/25”, “Đề Gửi Gắm” và hội thoại giữa T và Nguyễn Thị Lan A từ máy tính bảng Ipad của Nguyễn Thị Ngọc T phù hợp với dữ liệu điện tử trích xuất kèm theo bản Kết luận giám định điện thoại số 383 ngày 02/8/2023 của Phòng K Công an thành phố H. Ngoài ra các tài khoản zalo “Vivo”, “Bảo An”, “Mới Mới”, “Hoang tam” có tham gia vào các nhóm “d ng”, “de 9+lôt”, “Đề Gửi Gắm” nhưng chưa xác định được vai trò trong vụ án.

Về vật chứng: Số tiền 4.521.000 đồng, 01 điện thoại Vivo, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 9 màu nâu và 01 điện thoại Iphone 12 Promax màu vàng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad mini gen 5 màu vàng; 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad air 2 màu vàng, 01 điện thoại Iphone Xsmax màu vàng; 01 điện thoại IphoneX màu đen đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền bảo quản chờ xử lý. Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền tiếp tục quản lý số tiền 2.455.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 33 (Ba mươi ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023); bị cáo còn phải chấp hành 32 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị N 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023); bị cáo còn phải chấp hành 29 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án

- Bị cáo Phạm Thanh T2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” Bị cáo được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023); bị cáo còn phải chấp hành 23 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Chu Thị T4 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 89 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 06/04/2023); bị cáo còn phải chấp hành 21 tháng 01 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Tuyết N1 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 102 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 19/04/2023); bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 18 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Đoàn Thị T6 21 (Hai mươi một) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 89 ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/01/2023 đến ngày 06/04/2023); bị cáo còn phải chấp hành 18 tháng 01 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N3 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo được trừ 02 ngày tạm giữ (từ ngày 12/04/2023 đến ngày 14/04/2023); bị cáo còn phải chấp hành 14 tháng 28 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Chu Thị T4, Nguyễn Thị Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo ngoài xã hội.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị N, Chu Thị T4, Phạm Thanh T2, Đoàn Thị T6, Nguyễn Tuyết N5 và Nguyễn Thị Thanh N3 đã ăn năn hối cải về hành vi của mình, đã nộp tiền phạt để khắc phục hậu quả và nộp án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Chu Thị T4 cung cấp thêm hồ sơ bệnh án thể hiện bản thân đang bị u vòm họng, thực quản ... Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện như lời khai tại giai đoạn điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm. Các bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi của mình là sai phạm và xin được cải tạo ngoài xã hội.

Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc giải quyết kháng cáo: Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo cung

cấp thêm tài liệu thể hiện đã nộp tiền phạt bổ sung, tiền án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm. Các bị cáo cũng có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo là phụ nữ đều nuôi con nhỏ; có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương. Do bị cáo T phạm tội với số tiền phạm tội nhiều nhất, bị cáo T4 có 02 tiền sự tuy đã được xóa nhưng đều về hành vi đánh bạc nên không chấp nhận kháng cáo của 02 bị cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo T4. Xét hoàn cảnh gia đình của các bị cáo N, T2, N5, T6, N3; nhân thân cũng như điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, cần sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo N, T2, N5, T6, N3 hưởng án treo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo N, T2, N5, T6, N3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo T, T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Chu Thị T4, Nguyễn Thị Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 đã đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi hành vi đã thực hiện đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung của bản án sơ thẩm. Ngày 06/01/2023 và ngày 07/01/2023, Nguyễn Thị Ngọc T có hành vi nhận, chuyển số đề được thua bằng tiền và hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 135.175.000 đồng (ngày 06/01/2023 là 8.600.000 đồng; ngày 07/01/2023 là 126.575.000 đồng), hưởng lợi 19.707.000 đồng; Nguyễn Thị N có hành vi nhận, chuyển số đề được thua bằng tiền và hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền tổ chức đánh bạc là 91.575.000 đồng (ngày 06/01/2023 là 19.345.000 đồng; ngày 07/01/2023 là 72.230.000 đồng), hưởng lợi 8.722.500 đồng.

[3] Ngày 07/01/2023, Phạm Thanh T2 có hành vi giúp sức Nguyễn Thị Ngọc T thống kê sổ sách, nhận, chuyển số đề với tổng số tiền là 121.775.000 đồng, đã được trả công 258.000 đồng.

[4] Ngày 07/01/2023, Chu Thị T4 có hành vi nhận, chuyển số đề được thua bằng tiền và hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền là 77.540.000 đồng,

hưởng lợi 16.513.000 đồng; Nguyễn Tuyết N5 có hành vi nhận chuyển số đề được thua bằng tiền để hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền là 67.175.000 đồng, hưởng lợi 567.000 đồng; Đoàn Thị T6 có hành vi nhận, chuyển số đề được thua bằng tiền và hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền là 54.600.000 đồng, hưởng lợi 8.235.500 đồng; Nguyễn Thị Thanh N3 có hành vi nhận chuyển số đề được thua bằng tiền để hưởng chênh lệch % hoa hồng với tổng số tiền là 25.930.000 đồng, hưởng lợi 130.000 đồng;

[5] Như vậy hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị N, Chu Thị T4, Phạm Thanh T2, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6, Nguyễn Thị Thanh N3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc quy” định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự

[6] Về vai trò của các bị cáo trong đồng phạm tội Tổ chức đánh bạc: Nguyễn Thị Ngọc T tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền nhiều nhất nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Bị cáo Nguyễn Thị N tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền nhiều thứ hai nên hình phạt thấp hơn bị cáo T và cao hơn các bị cáo khác; bị cáo Phạm Thanh T2 là người giúp sức cho bị cáo T thống kê số đề và được trả tiền công hàng tháng nên bị cáo phải chịu mức hình phạt thấp hơn so với N; bị cáo Chu Thị T4 tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền thấp hơn so với bị cáo Nguyễn Thị N và Phạm Thanh T2 nhưng bị cáo T4 nhân thân có 02 tiền sự về tội đánh bạc, tuy đã được xóa nhưng cũng phải đánh giá bị cáo bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, không ăn năn hối cải về hành vi vi phạm pháp luật của mình nên hình phạt của T4 thấp hơn so với N nhưng ngang bằng với bị cáo T2. Bị cáo Nguyễn Tuyết N5 và bị cáo Đoàn Thị T6 tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền gần tương đồng nhau nhưng thấp hơn bị cáo Chu Thị T4 nên phải chịu hình phạt thấp hơn so với bị cáo T4 và ngang bằng nhau. Bị cáo N3 tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền ít nhất nên vai trò của bị cáo là thấp nhất.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh N3 đầu thú; các bị cáo Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6, Phạm Thanh T2, Nguyễn Thị Thanh N3 tự nguyện giao nộp tiền do phạm tội mà có là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Nguyễn Thị N, Chu Thị T4, Phạm Thanh T2, Đoàn Thị T6, Nguyễn Tuyết N5 và Nguyễn Thị Thanh N3 đã nộp tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện các bị cáo ăn năn hối cải, nghiêm chỉnh chấp hành bản án, quyết định của Tòa án. Bị cáo Chu Thị Thủy cung c thêm hồ sơ bệnh án thể

hiện bản thân đang bị bệnh u vòm họng, thực quản... Như vậy, mỗi bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 01 tình tiết tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự các bị cáo N, T2, T6, N5, N3 phạm tội lần đầu, nhân thân chưa tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng; việc cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hại cho xã hội. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho các bị cáo N, T2, T6, N5, N3 được hưởng án treo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T tuy nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền lớn nhất và lớn hơn nhiều so với các bị cáo khác. Bị cáo Chu Thị T4 nhân có 02 tiền sự đều về hành vi Đánh bạc tuy đã được xóa nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật nên việc cho bị cáo được chấp hành án ngoài xã hội không đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T và bị cáo T4; giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, N, T4, T2, T6, N5, N3 tham gia tổ chức đánh bạc với số tiền tương đối lớn nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền mỗi bị cáo 20.000.000 đồng như bản án sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, tại giai đoạn phúc thẩm các bị cáo đã nộp tiền phạt nên cần ghi nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo T, N, T4, T2, T6, N5, N3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo đã nộp án phí hình sự sơ thẩm nên cần ghi nhận.

[12] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Đoàn Thị T6, Nguyễn Tuyết N5 và Nguyễn Thị Thanh N3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự Bộ luật Tố tụng hình sự:

Sửa Bản án sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4, Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T 33 (ba mươi ba) tháng tù; bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2023 đến ngày 16/01/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Chu Thị T4 24 (hai mươi bốn) tháng tù; bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/01/2023 đến ngày 06/4/2023. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N cho Ủy ban nhân dân phường K, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thanh T2 24 (hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thanh T2 cho Ủy ban nhân dân phường H, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuyết N5 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tuyết N5 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Thị T6 21 (hai mươi một) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đoàn Thị T6 cho Ủy ban nhân dân phường T, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N3 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh N3 cho Ủy ban nhân dân phường N, quận L, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4, Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 mỗi bị cáo phải nộp 20.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Chu Thị T4 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai số 0002992 ngày 16/5/2024; bị cáo Phạm Thanh T2 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai số 0002990 ngày 14/5/2024; bị cáo Nguyễn Tuyết N5 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai số 0002997 ngày 20/5/2024; bị cáo Đoàn Thị T6 đã nộp tổng số tiền 20.000.000 đồng theo các Biên lai số 0002998 ngày 20/5/2024, số 0003011 và số 0003005 ngày 22/5/2024, số 0002840 ngày 23/5/2024; bị cáo Nguyễn Thị N đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai số 0002839 ngày 21/5/2024; bị cáo Nguyễn Thị Thanh N3 đã nộp số tiền 20.000.000 đồng theo Biên lai số 0002995 ngày 16/5/2024. Các bị cáo T4, T2, N5, T6, N, N3 đã nộp đủ số tiền của hình phạt bổ sung.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp số tiền 10.000.000 đồng theo Biên lai số 0002991 ngày 16/5/2024, bị cáo T phải nộp số tiền hình phạt bổ sung còn lại là 10.000.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1; điểm b, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Các bị cáo Nguyễn Tuyết N5, Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4, Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền các bị cáo đã nộp

theo Biên lai thu tiền án phí số: 0002875, 0002873, 0002876, 0002869, 0002877, 0002868, 0002874 ngày 26/01/2024. Các bị cáo T, T4, N, N5, T6, T2, N3 đã nộp đủ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc T, Chu Thị T4 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Nguyễn Thị N, Phạm Thanh T2, Nguyễn Tuyết N5, Đoàn Thị T6 và Nguyễn Thị Thanh N3 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu